

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 8 - 2023

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Nhi
Bà Đoàn Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 456/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Phương Th; Sinh năm: 1995; HKTT: Số A đường LV, khóm I, phường Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: Nhà không số, đường H, khóm T, phường V, thành phố C, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T; Sinh năm: 1991; HKTT: Ấp H, xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở hiện nay: đường T, khóm B, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Phương Th trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa như sau:

Hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T tự nguyện chung sống vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau ngày 07/7/2014, số Giấy chứng nhận kết hôn 57/GKH-BC, quyền số 01/2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T có đánh chị hai lần, sự việc mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân cách nay hơn 01 tháng. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Lê Trần Bá Kh, sinh ngày 16/10/2014, hiện đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu Kh; Yêu cầu anh T cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa như sau:

Hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị Th trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh có đánh chị Th hai lần đúng như chị Th trình bày. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 01 tháng. Tuy nhiên, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Th. Do đó, chị Th yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, anh yêu cầu được đoàn tụ.

Con chung: Anh và chị Th có 01 người con chung tên Lê Trần Bá Kh, sinh ngày 16/10/2014, hiện đang sống cùng chị Th. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn, anh đồng ý giao cháu Kh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; Anh đồng ý mức cấp dưỡng nuôi cháu Kh 1.000.000 đồng/tháng như chị Th yêu cầu.

Tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Anh xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

[2] Hôn nhân: Chị Trần Phương Th yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T. Chị Th cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong việc làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh T có đánh chị hai lần, hôn nhân không hạnh phúc. Còn anh T thừa nhận có việc mâu thuẫn, cũng như anh có đánh chị Th hai lần đúng như chị Th trình bày. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, chị Th và anh T chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, chị Th kiên quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, chị Th và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế anh, chị đã sống ly thân với nhau. Anh T tuy có yêu cầu đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có biện pháp nào thuyết phục để hàn gắn hôn nhân. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Th về việc ly hôn với anh T là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị Th và anh T có 01 người con chung tên Lê Trần Bá Kh, sinh ngày 16/10/2014, hiện đang sống cùng chị Th. Khi ly hôn, chị Th, anh T thống nhất giao cháu Kh cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Kh 1.000.000 đồng/tháng. Xét thấy đây là ự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chung, nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tài sản chung: Chị Th và anh T xác định không có. Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Nợ chung: Chị Th và anh T xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Phương Th về việc yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn T.

Con chung: Giao Lê Trần Bá Kh, sinh ngày 16/10/2014, đang sống cùng chị Th cho chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Trần Bá Kh 1.000.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Trần Phương Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Văn T không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Phương Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Ngày 14/7/2023, chị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, theo biên lai số 0003709, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước. Anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng (chưa nộp), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân